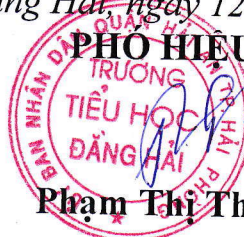


THÔNG BÁO**Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế
Năm học 2023 – 2024**

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	2367	466	481	466	475	479
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	947	466	481			
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1861 78,63%	368 79%	372 77,3%	342 73,4%	350 73,7%	429 89,5%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	504 21,29%	96 20,5%	109 22,7%	124 26,6%	125 26,3%	50 10,5%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,08	2 0,5%				
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	1304 55,1%	357 76,7%	334 69,4%	306 65,7%	307 64,6%	
	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	433 18,3%	5 1%	25 5,2%	36 7,7%	36 7,6%	331 69%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	627 26,5%	101 21,7%	122 25,4%	124 26,6%	132 27,8%	148 31%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,6%	3 0,6%	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2364 99,4%	463 99,4%	481 100%	466 100%	475 100%	479 100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	1801 76,1%	360 77,3%	360 75%	340 73%	342 72%	399 83,3%
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	38 1,6%	4 0,9%	2 0,4%	9 2%	10 2,1%	13 2,7%
2	Rèn luyện trong hè (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,12%	3 0,12%	0	0	0	0

Đăng Hải, ngày 12 tháng 06 năm 2024

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thuý Phương

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐĂNG HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	36 /49	Số m ² /học sinh:
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	36	0.68
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	6043	2,55
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1400	0,6
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	36/1620 m ²	0.68
2	Diện tích thư viện (m ²)	0	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	1 / 70 m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	1/ 20 m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	1/ 20 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	25 /49	
1.1	Khối lớp 1	5/10	
1.2	Khối lớp 2	5/10	
1.3	Khối lớp 3	5/9	
1.4	Khối lớp 4	4/10	
1.5	Khối lớp 5	3/9	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	23/49	
2.1	Khối lớp 1	5/10	
2.2	Khối lớp 2	5/10	
2.3	Khối lớp 3	6/10	
2.4	Khối lớp 4	6/10	
2.5	Khối lớp 5	6/9	

VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	Số học sinh/bộ:02hs/bộ	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi	36/36	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác...	0	
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	100
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng	tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam		Giáo viên nữ		Học sinh nam		Học sinh nữ	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	15	2	30	3	45	3	45
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*								

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Đảng Hải, ngày 12 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Minh Huệ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐĂNG HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Năm học 2023 – 2024

TT	Nội dung	Tổng g số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	72		5	61	6				49	19	1	61	7		
	Giáo viên	66		2	59	5				46	19	1	58	7		
I	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:															
1	Tiếng dân tộc															
2	Ngoại ngữ	4			4					4			4			
3	Tin học															
4	Âm nhạc	2			1	1					2		2			
5	Mỹ thuật	3			3					2	1		3			
6	Thể dục															
7	Văn hoá	56		2	50	4				39	16	1	48	7		
8	TPT	1			1					1			1			
II	Cán bộ quản lý	3		3						3			3			
1	Hiệu trưởng	1		1						1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2						2			2			
III	Nhân viên	3			2	1										
1	Nhân viên văn thư	1			1											
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế															
5	Nhân viên thư viện															
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1				1										
7	Nhân viên công nghệ thông tin															
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật															
9	...															

Đã đăng tải ngày 12 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Minh Huệ